MÔ HÌNH CẤU TRÚC NĂNG LỰC DẠY HỌC ĐỌC HIỂU VĂN BẢN Ở MÔN TIẾNG VIỆT CỦA SINH VIÊN NGÀNH GIÁO DỤC TIỂU HỌC(*)

LƯU THỊ DỊU
Trường Đại học Tây Nguyên

Nhận bài ngày 20/4/2025. Sửa chữa xong 28/4/2025. Duyệt đăng 10/5/2025.

Abstract

The competency of teaching reading comprehension in Vietnamese is a key component of professional teaching skills for primary school teachers. This competency should be developed during students' university training and further enhanced throughout their teaching careers. Based on both theoretical foundations and practical considerations, this article clarifies the concept of teaching reading comprehension competency and proposes a structural model for Primary Education students. The model serves as a basis for further research and training aimed at improving this essential teaching skill.

Keywords: *Teaching competence, reading comprehension, primary education students.*

1. Đặt vấn đề

Đào tạo giáo viên là một trong những nhiệm vụ trọng tâm của các nền giáo dục ở mỗi quốc gia bởi đội ngũ giáo viên là một trong những nhân tố quyết định đến chất lượng giáo dục. Ở Việt Nam, hoạt động đào tạo sinh viên (SV) sư phạm nhằm phát triển năng lực dạy học (NLDH) được coi là một trong số những vấn đề trọng tâm của đào tạo đội ngũ giáo viên bởi nhà giáo chính là chủ thể của quá trình đổi mới "căn bản, toàn diện" giáo dục nước nhà. Chuẩn nghề nghiệp giáo viên cơ sở giáo dục phổ thông được Bộ GD&ĐT ban hành năm 2018 theo Thông tư số 20/2018/TT-BGDĐT xác định 5 tiêu chuẩn và 14 tiêu chí trong năng lực nghề nghiệp của giáo viên [1]. Trong số đó, tiêu chuẩn 2 "Phát triển chuyên môn, nghiệp vụ" nhấn mạnh trực tiếp đến hoạt động dạy học của người giáo viên với một số tiêu chí như "Xây dựng kế hoạch dạy học và giáo dục theo hướng phát triển phẩm chất, năng lực học sinh (HS)"; "Sử dụng phương pháp dạy học và giáo dục theo hướng phát triển phẩm chất, năng lực HS"; "Kiểm tra, đánh giá theo hướng phát triển phẩm chất, năng lực HS" [2]. Có thể thấy, NLDH của giáo viên là một trong những yếu tố quyết định đến chất lượng đào tạo HS cũng như hiệu quả dạy và học trong nhà trường phổ thông. Phát triển NLDH cho SV sư phạm là việc làm cần thiết nhằm nâng cao chất lượng đội ngũ giáo viên đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục.

Ở nước ta, Tiếng Việt là môn học quan trọng nhất ở trường tiểu học, với mục tiêu phát triển năng lực ngôn ngữ và năng lực văn học cho HS [3]. Trong nhóm năng lực của môn Tiếng Việt, đọc hiểu văn bản (ĐHVB) là một năng lực quan trọng mà mỗi HS cần chiếm lĩnh cho bản thân, đạt các yêu cầu của môn Tiếng Việt và chiếm lĩnh công cụ làm cầu nối để học tốt những môn học khác. Để dạy tốt phần ĐHVB ở môn Tiếng Việt cho HS tiểu học, người giáo viên cần có NLDH. Phát triển NLDH ĐHVB cho sinh viên (SV) ngành Giáo dục tiểu học (GDTH) góp phần đáp ứng yêu cầu mới của chương trình giáo dục phổ thông và mục tiêu, chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo đại học. Nghiên cứu để xác định và làm rõ mô hình cấu trúc NLDH ĐHVB cho SV ngành GDTH có ý nghĩa to lớn về mặt lí luận và thực tiễn.

Email: ltdiu@ttn.edu.vn

2. Nội dung nghiên cứu

2.1. Năng lực dạy học và cấu trúc năng lực dạy học

NLDH được đặt trong mối quan hệ chặt chẽ với năng lực nghề nghiệp và năng lực sư phạm. Năng lực nghề nghiệp (năng lực lao động, năng lực công tác) được xem xét từ khái niệm năng lực chung quy chiếu tới năng lực trong một hoạt động nghề nghiệp, công việc cụ thể theo các hình thức phân công xã hội. Các nhà nghiên cứu Gonobolin (1977), Phạm Minh Hạc (1988), Giertz (2003), Dineke E.H. Tigelaar (2004), Ryegard (2008), Vũ Xuân Hùng (2011), Hakim (2015)… đều khẳng định NLDH là thành phần quan trọng của năng lực sư phạm [4].

NLDH (teaching competence) là một năng lực nghề nghiệp mà giáo viên cần có trong hoạt động dạy học để tiến hành có hiệu quả nhiệm vụ dạy học theo những tiêu chuẩn cụ thể. NLDH là cơ sở để đánh giá khả năng của giáo viên trong quá trình dạy học, đồng thời là động lực để giáo viên vạch ra phương hướng phát triển những giá trị, phẩm chất chuyên môn khác. Theo nghĩa rộng, NLDH được xem là một thành phần quan trọng trong hệ thống các năng lực của người giáo viên, là năng lực cần thiết trong tổ hợp các năng lực mà giáo viên phải có trong khi thực hiện hoạt động nghề nghiệp. Theo nghĩa hẹp, NLDH là một thành phần trong năng lực sư phạm. Theo chúng tôi, NLDH là sự vận dụng hiệu quả hệ thống những yếu tố kiến thức, kĩ năng, thái độ, kinh nghiệm, niềm tin… của người dạy trong hoạt động dạy học cho phép người dạy thực hiện tốt công việc dạy học theo chuẩn đặt ra, đem lại hiệu quả học tập cho người học trong những điều kiện nhất định.

Ở khái niệm trên, cụm từ hệ thống những yếu tố kiến thức, kĩ năng, thái độ, kinh nghiệm, niềm tin… của người dạy trong hoạt động dạy học nhấn mạnh cấu trúc cơ bản của NLDH bao gồm những thành phần cụ thể vừa có thể là thuộc tính sẵn có của người dạy, vừa có thể được hình thành trong quá trình rèn luyện như kiến thức, kĩ năng, thái độ, kinh nghiệm, niềm tin… Tuy nhiên, các yếu tố này không tồn tại độc lập mà gắn liền với bối cảnh dạy học, thể hiện trong hoạt động dạy học của người dạy. Cụm từ cho phép người dạy thực hiện tốt công việc dạy học theo chuẩn đặt ra, đem lại hiệu quả học tập cho người học trong những điều kiện nhất định nhấn mạnh đến kết quả của NLDH là việc mang lại hiệu quả học tập cho người học. Kết quả học tập của người học là một trong những thước đo NLDH của người dạy. Kết quả hoạt động dạy học này cũng được xem xét trong một bối cảnh cụ thể, đáp ứng đòi hỏi nhất định từ các yếu tố khác như đặc điểm môi trường dạy học, đặc điểm người học,…

Về cơ bản, NLDH vừa thể hiện mục đích chính của năng lực đặt trong bối cảnh dạy học và hoạt động dạy học của người dạy, vừa mang một số đặc điểm của năng lực sư phạm. NLDH có những đặc điểm cơ bản sau: NLDH gắn với đặc điểm hành nghề của giáo viên và sự phát triển của nghề sư phạm; NLDH vừa mang tính khoa học, vừa mang tính nghệ thuật; NLDH được thể hiện trong khả năng xử lí lí luận và kĩ năng thực hành dạy học trong thực tiễn công tác; NLDH vừa là tổng hợp các yếu tố cá nhân, riêng biệt của người dạy, vừa phải đảm bảo tuân thủ những nguyên tắc chung của ngành Giáo dục.

Khi nghiên cứu về NLDH, các nhà nghiên cứu như Chris Kyriacou (1998), Lê Khánh Bằng (2005), Đặng Thành Hưng (2010), Nguyễn Phúc Chỉnh (2017), Hartini Sri (2018), Nguyễn Thị Quỳnh (2018), Nguyễn Thị Ngọc Phúc (2018), Nguyễn Thị Kim Dung (2018),… đã quan tâm đến cấu trúc của NLDH [5]. Cấu trúc năng lực nghề nghiệp nói chung, NLDH của giáo viên nói riêng có thể được xây dựng từ cơ sở lí thuyết mô hình tảng băng năng lực nghề nghiệp (competency iceberg model). Năng lực nghề nghiệp của mỗi cá nhân được nhìn nhận từ mô hình tảng băng năng lực bao gồm hai phần: Phần những yếu tố thể hiện kết quả của năng lực thông qua các hoạt động trong nghề nghiệp là bề mặt của tảng băng; phần những yếu tố kiến thức, kĩ năng, kinh nghiệm, phẩm chất nghề nghiệp hoặc các thuộc tính không nhìn thấy được là bề sâu của tảng băng đó. Mô hình tảng băng năng lực góp phần đánh giá năng lực nghề nghiệp của mỗi cá nhân. Lí thuyết về tảng băng năng lực bước đầu được xác định trong nghiên cứu của Spencer, L.M. và Spencer, S.M. (1993) là Competence At Work: Models for Superior Performance (Năng lực trong công việc: các mô hình nhằm đạt hiệu suất vượt trội). Nhóm tác giả có mong muốn từ mô hình tảng băng năng lực nghề nghiệp để cụ thể hóa cấu trúc năng lực nghề nghiệp của các ngành nghề khác nhau [6, tr. 11]. Salleh (2015) đã giải thích các thành tố mà Spencer, L.M. và

Spencer, S.M. chỉ ra với những biểu hiện cụ thể hơn [7]. Theo đó, kiến thức (knowledge) được hiểu là những nội dung, thông tin trong lĩnh vực nghề nghiệp có thể có được từ giáo dục hoặc trải nghiệm; kĩ năng (skill) là khả năng thực hiện tốt một việc gì đó, thường có được do luyện tập; phẩm chất cá nhân, giá trị tự thân (self-concept) là cách một cá nhân nhìn nhận giá trị của mình với một vai trò nhất định trong xã hội; đặc điểm là thói quen, các tính cách bền vững của cá nhân đó. Salleh (2015) cho rằng chỉ 10% trong tổng thành phần năng lực thuộc về năng lực bề mặt [7]. Tiếp thu mô hình tảng băng năng lực nghề nghiệp của Spencer, L.M. và Spencer, S.M., Seema Sanghi (2003) xây dựng mô hình tảng băng năng lực với hai phần: bề sâu là các yếu tố không quan sát được như kiến thức, kĩ năng, đặc điểm, động cơ; bề mặt là các hành vi có thể quan sát được (observable behaviour) [8, tr.12].

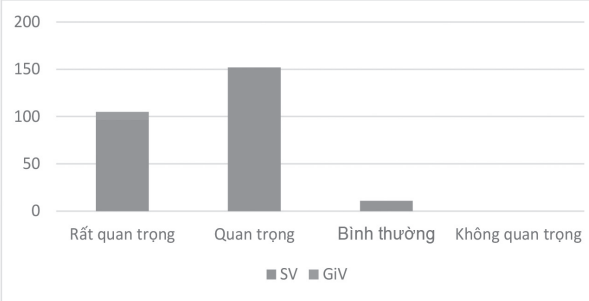
Từ mô hình tảng băng năng lực nghề nghiệp của Spencer, L.M. và Spencer, S.M. (1993), Seema Sanghi (2003) và các quan niệm trên chúng tôi cho rằng tảng băng năng lực nghề nghiệp gồm hai phần: 1. Bề sâu là phần các yếu tố ẩn được chia thành hai tầng: tầng dưới là phẩm chất, kinh nghiệm, thái độ, động cơ nghề nghiệp; tầng còn lại là kiến thức, kĩ năng nghề nghiệp; 2. Bề mặt là phần có thể hiển thị và quan sát được bao gồm các hoạt động nghề nghiệp được thể hiện thành kết quả của mỗi cá nhân trong nghề nghiệp đó. Cả hai thành phần trên của mô hình tảng băng năng lực nghề nghiệp được đặt trong bối cảnh nghề nghiệp cụ thể. Trong bài viết này, chúng tôi dựa trên tiếp cận tiếp cận cấu trúc năng lực theo mô hình tảng băng để chỉ ra cấu trúc các năng lực thành phần của NLDH ĐHVB giúp quá trình hình thành, phát triển và đánh giá NLDH ĐHVB ở SV ngành GDTH được thuận lợi và hiệu quả.

2.2. Khái niệm năng lực dạy học đọc hiểu văn bản của sinh viên ngành Giáo dục tiểu học

Hoạt động dạy học ĐHVB ở nhà trường phổ thông là vấn đề được bàn bạc ở nhiều phương diện khác nhau như mục tiêu dạy học ĐHVB, cách thức tổ chức hoạt động dạy học ĐHVB, phương pháp dạy học ĐHVB… với những thành tựu nghiên cứu nhất định. Lí luận về hoạt động dạy học ĐHVB có sự đóng góp của các nhà nghiên cứu tiêu biểu như Trần Đình Sử, Nguyễn Thanh Hùng, Nguyễn Minh Thuyết, Đỗ Ngọc Thống, Nguyễn Thị Hạnh, Hoàng Hòa Bình, Nguyễn Trọng Hoàn, Phạm Thị Thu Hương, Nguyễn Thị Hồng Nam… NLDH ĐHVB được đề cập trong các nghiên cứu theo một số hướng sau: Cấu trúc NLDH ĐHVB; một số biện pháp nhằm phát triển NLDH ĐHVB cho giáo viên, SV sư phạm.

Từ khái niệm NLDH, chúng tôi hiểu NLDH ĐHVB trong môn Tiếng Việt của SV ngành GDTH là sự sẵn sàng, tích cực huy động tổng hợp kiến thức, kĩ năng, thái độ, động cơ, hứng thú, niềm tin… liên quan đến dạy học, dạy học ĐHVB để thực hiện thành công hoạt động dạy học ĐHVB trong môn Tiếng Việt cho HS tiểu học, đáp ứng chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo đại học.

NLDH ĐHVB có vai trò vô cùng quan trọng đối với SV ngành GDTH. Để tìm hiểu nhận thức của giảng viên (GiV) và SV về tầm quan trọng của NLDH ĐHVB trong môn Tiếng Việt ở tiểu học, tác giả đã tiến hành khảo sát ý kiến của 8 GiV và 260 SV ngành GDTH ở Trường Đại học Tây Nguyên về sự cần thiết của NLDH ĐHVB trong trong môn Tiếng Việt đối với SV ngành GDTH. Kết quả thể hiện ở biểu đồ 1.



Biểu đồ 1: Kết quả nhận thức của GiV và SV về tầm quan trọng của NLDH ĐHVB trong môn Tiếng Việt đối với SV ngành GDTH

GiV cho rằng NLDH ĐHVB là một năng lực rất quan trọng cần hình thành cho SV ngành GDTH (8 GiV chiếm 100%). Phần lớn SV được khảo sát đều nhận thức NLDH ĐHVB trong môn Tiếng Việt có vai trò quan trọng (48.47%) và rất quan trọng (37.3%). Tuy nhiên vẫn có 11 SV chiếm tỉ lệ 4,23% chưa nhận thức đúng tầm quan trọng của NLDH ĐHVB trong môn Tiếng Việt khi lựa chọn ở mức độ bình thường. Theo chúng tôi

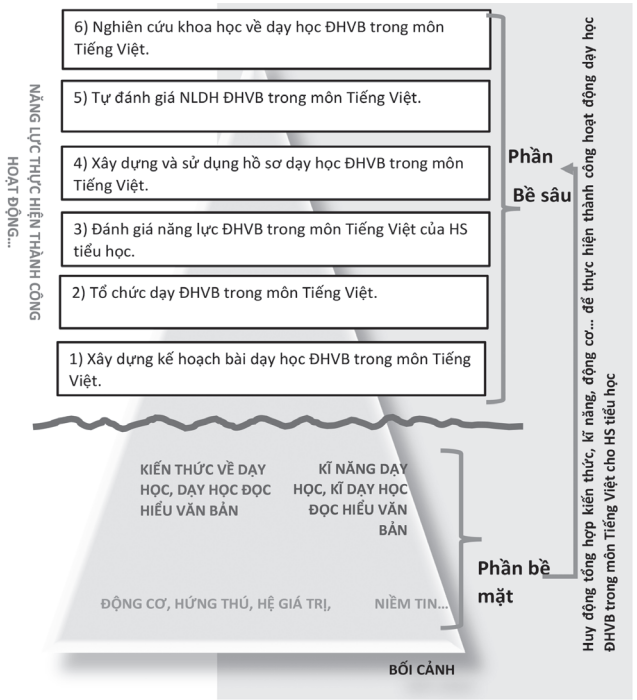
NLDH ĐHVB trong môn Tiếng Việt là năng lực rất quan trọng và cần thiết, giúp người dạy thực hiện thành công hoạt động dạy học ĐHVB nói riêng và dạy học môn Tiếng Việt nói chung ở tiểu học.

2.3. Cấu trúc năng lực dạy học đọc hiểu văn bản trong môn Tiếng Việt của sinh viên sư phạm tiểu học

Mô hình NLDH ĐHVB trong môn Tiếng Việt của SV ngành GDTH được xây dựng theo "cấu trúc tảng băng" gồm hai phần: phần bề sâu và phần bề mặt. Mô hình tảng băng về cấu trúc NLDH ĐHVB thể hiện được khá rõ bản chất của NLDH ĐHVB, của mối liên hệ, quan hệ giữa các yếu tố nằm trong cấu trúc của bối cảnh thực hiện hoạt động dạy học ĐHVB của GV, của yếu tố ẩn tàng và yếu tố có thể quan sát được,… Qua mô hình trên có thể thấy, để làm được các nhiệm vụ trong phần bề mặt thì người thực hiện hoạt động dạy học ĐHVB phải huy động phần bề sâu phù hợp với bối cảnh đặt ra. Để phát triển NLDH ĐHVB cho SV thì trong quá trình đào tạo cần có các biện pháp tác động đến cả hai phần (phần bề sâu và phần bề mặt), có phần bề sâu thì người học mới hình thành được các năng lực thực hiện được thể hiện ra ở phần bề mặt.

- Phần bề sâu: Bao gồm các yếu tố thuộc đầu vào của quá trình đào tạo: 1) Động cơ, hứng thú, niềm tin, hệ giá trị; 2) Tri thức, trải nghiệm nền liên quan đến môn học Tiếng Việt và hoạt động dạy học Tiếng Việt; 3) Hiểu biết về ĐHVB và dạy học ĐHVB của chủ thể thực hiện hoạt động dạy học ĐHVB. Chủ thể thực hiện hoạt động dạy học ĐHVB trong môn Tiếng Việt sẽ vận hành tất cả những yếu tố trên thực hiện hoạt động dạy học ĐHVB.

- Phần bề mặt: Gồm các hành vi, thuộc "đầu ra": Xây dựng kế hoạch bài dạy học ĐHVB; Tổ chức dạy học ĐHVB; Đánh giá năng lực ĐHVB của HS; Xây dựng và sử dụng hồ sơ dạy học ĐHVB; Tự đánh giá NLDH ĐHVB; Nghiên cứu khoa học về dạy học ĐHVB. Để hình thành và phát triển các NLDH ĐHVB thể hiện trong phần bề mặt thì người học phải huy động tổng hợp các yếu tố thuộc phần bề sâu phù hợp với bối cảnh đặt ra.



Sơ đồ cấu trúc NLDH ĐHVB trong môn Tiếng Việt của SV ngành GDTH

Bối cảnh: Theo Deseco, năng lực phụ thuộc vào bối cảnh. Mỗi cá nhân con người không hoạt động trong "khoảng chân không" tách biệt với xã hội. Các hành động luôn xảy ra trong một môi trường văn hóa xã hội nhất định. Việc đặt năng lực vào các bối cảnh cần thiết phù hợp với lí thuyết học tập dựa vào tình hống cụ thể - lí thuyết xem năng lực là không thể tách rời khỏi bối cảnh mà nó được phát triển và sử

dụng [5]. NLDH ĐHVB được thực hiện trong một bối cảnh nhất định. Bối cảnh thực hiện hoạt động dạy học ĐHVB là trường tiểu học. Trong khi đó bối cảnh học tập và thực hiện hoạt động dạy học của SV là trên giảng đường đại học, ở các lớp học giả định. Giữa môi trường giả định và môi trường lớp học thực tế có những điểm khác biệt, vì thế cần có những tác động để SV có cơ hội được tham gia vào bối cảnh thực tế nhiều hơn để HS được trải nghiệm và thể hiện, qua đó nâng cao hiệu quả hình thành và phát triển NLDH ĐHVB cho SV ngành GDTH. Bởi vì, để chứng minh SV có NLDH ĐHVB ở mức độ nào đó phải tạo cơ hội để SV thực hiện hoạt động dạy học ĐHVB trong tình huống, bối cảnh mang tính thực tiễn.

Năng lực dạy học ĐHVB trong dạy học môn Tiếng Việt ở tiểu học của SV kết nối những yếu tố thuộc phần chìm: 1) Động cơ, hứng thú, niềm tin, hệ giá trị; 2) Tri thức, trải nghiệm nền liên quan đến môn học Tiếng Việt và hoạt động dạy học Tiếng Việt; 3) Hiểu biết về dạy học và dạy học ĐHVB của chủ thể thực hiện hoạt động dạy học ĐHVB với bối cảnh thực hiện vào một hệ thống phức tạp tạo nên sự thực hiện NLDH ĐHVB hay chính là khả năng thực hiện hiệu quả hành động dạy học ĐHVB của SV sư phạm tiểu học. Vì thế, các NLDH ĐHVB không tồn tại độc lập với hành động và bối cảnh dạy học, thay vào đó chúng được khái niệm hóa trong mối quan hệ với những yêu cầu và được thực hiện hóa bởi các hành động dạy học. NLDH ĐHVB cũng như các thuộc tính tạo thành nó đều trừu tượng, chỉ có thể suy luận ra dựa trên những hành động, thái độ hoặc sự lựa chọn mà của chủ thể dạy học trong một bối cảnh nhất định. NLDH ĐHVB của SV trong môn Tiếng Việt ở tiểu học tồn tại theo các mức độ khác nhau và có thể được phát triển thông qua quá trình học tập.

3. Kết luận

Năng lực dạy học ĐHVB là một trong những năng lực rất quan trọng cần được hình thành cho SV ngành GDTH - những giáo viên tiểu học tương lai, đáp ứng được yêu cầu của chuẩn nghề nghiệp giáo viên. Mô hình NLDH ĐHVB của SV ngành GDTH được xây dựng theo "cấu trúc tảng băng" gồm hai phần: phần bề mặt và phần bề sâu. Để làm được các nhiệm vụ trong phần bề mặt thì người thực hiện hoạt động dạy học ĐHVB phải huy động phần bề sâu phù hợp với bối cảnh đặt ra. Việc xác định được mô hình cấu trúc của NLDH ĐHVB có ý nghĩa quan trọng, là cơ sở để xây dựng các biện pháp phát triển NLDH ĐHVB của SV ngành GDTH. Mô hình cấu trúc trên cũng cho thấy rõ, muốn phát triển NLDH ĐHVB cho SV thì trong quá trình đào tạo cần có các biện pháp tác động đến cả hai phần: phần bề mặt và phần bề sâu thì người học mới hình thành được các năng lực thực hiện được thể hiện ra ở phần bề mặt. Lí luận về mô hình cấu trúc NLDH ĐHVB trong nghiên cứu này là cơ sở hữu ích cho các nghiên cứu sâu hơn về lí luận cũng như tiến hành thực nghiệm trong thực tiễn dạy học.

Chú thích

(*) Bài báo trên là kết quả nghiên cứu của đề tài khoa học cấp Bộ: Nâng cao năng lực tiếng Việt cho học sinh tiểu học khu vực Tây Nguyên, mã số B2024-TTN-01.

Tài liệu tham khảo

[1] Bộ Giáo dục và Đào tạo (2018), *Thông tư số 20/2018/TT-BGDĐT, ngày 22/08/2018 ban hành quy định chuẩn nghề nghiệp giáo viên cơ sở giáo dục phổ thông*.

[2] Bộ Giáo dục và Đào tạo (2013), *Chuẩn đầu ra trình độ đại học khối ngành Sư phạm đào tạo giáo viên trung học phổ thông*, NXB Văn hóa - Thông tin, Hà Nội.

[3] Bộ Giáo dục và Đào tạo (2018), *Thông tư số 32/2018/TT-BGDĐT, ngày 26/12/2018 ban hành Chương trình giáo dục phổ thông môn Ngữ văn.*

[4] Lưu Thị Dịu (2022), *Phát triển năng lực đánh giá trong dạy học đọc hiểu văn bản ở môn Tiếng Việt cho sinh viên sư phạm Tiểu học*, Luận án Tiến sĩ Khoa học Giáo dục, Trường Đại học Sư phạm Hà Nội.

[5] Đỗ Ngọc Thống (tổng chủ biên) và các cộng sự (2018), *Dạy học phát triển năng lực môn Tiếng Việt tiểu học*, NXB Đại học Sư phạm, Hà Nội.

[6] Spencer, L. M., & Spencer, P. S. M. (2008), *Competence at Work models for superior performance (Năng lực trong công việc: các mô hình nhằm đạt hiệu suất vượt trội)*, John Wiley & Sons.

[7] Salleh, K. M., Khalid, N. H., Sulaiman, N. L., Mohamad, M. M., & Sern, L. C. (2015), *Competency of adult learners in learning: application of the iceberg competency model (Năng lực học tập của người trưởng thành: Ứng dụng mô hình năng lực Tảng băng)*, Procedia-Social and Behavioral Sciences (Procedia-Khoa học xã hội và hành vi), 204, 326-334.

[8] Sanghi, S. (2003), *The handbook of competency mapping: understanding, designing and implementing competency models in organizations* (*Sổ tay Bản đồ năng lực: Hiểu, thiết kế và triển khai mô hình năng lực*), Sage.